Tọa đàm về tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật

15:32 | 19/05/2017

Thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) góp phần không nhỏ vào phát triển nền nông nghiệp bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Giải quyết hài hòa giữa việc sử dụng thuốc BVTV để bảo vệ nền sản xuất nông nghiệp với việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường là một đòi hỏi, thách thức lớn không chỉ đối với riêng cơ quan quản lý nhà nước và các ngành nghề liên quan mà còn đối với tất cả mọi người chúng ta.

Với chủ đề ***"Tăng cường quản lý thuốc BVTV theo định hướng sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, phát triển bền vững",*** Tọa đàm trực tuyến do Báo Đại biểu Nhân dân tổ chức nhằm trao đổi, thu nhận ý kiến ĐBQH, chuyên gia, nhà quản lý, cử tri trong triển khai chính sách pháp luật về quản lý, sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV; khẳng định vai trò của công tác BVTV trong việc phát triển nền nông nghiệp sạch, hữu cơ, bền vững; Đồng thời làm rõ vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của nhân dân nhằm thực thi pháp luật về BVTV, góp phần phát triển nền nông nghiệp nước nhà.

Các khách mời tham gia Tọa đàm gồm:

- **Ông Trương Minh Hoàng**, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;

- **Ông Hoàng Trung**, Cục trưởng Cục BVTV, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- **Ông Nguyễn Văn Sơn**, Quyền Chủ tịch, kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Sản xuất và kinh doanh thuốc BVTV Việt Nam;

- **Bà Lê Thị Khánh Hòa**, Giám đốc Đối ngoại Công ty Syngenta Việt Nam; Trưởng nhóm Truyền thông CropLife Việt Nam;

- **TS Lê Văn Thịnh**, Phó tổng Giám đốc Công ty THHH Việt Thắng.

Toàn cảnh Tọa đàm

Trân trọng kính mời độc giả theo dõi nội dung Tọa đàm tại đây:

Vai trò của thuốc BVTV trong nền nông nghiệp nước nhà

* **Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng**: Phát triển nông nghiệp nhất là trong trồng trọt luôn đi đôi với sử dụng thuốc BVTV nhằm diệt trừ sâu bệnh, cây cỏ dại, động vật phá hại mùa màng và tăng năng xuất, sản lượng, điều chỉnh vụ mùa, thời gian thu hoạch… Bên cạnh đó là bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn của sản phẩm nông nghiệp cho sử dụng và xuất khẩu. Với việc sử dụng gắn với quán trình sản xuất, trên diện rộng và nhiều chủng loại, việc quản lý, sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển nông nghiệp nước nhà và hội nhập thế giới.

Câu hỏi đầu tiên, xin được hỏi **ông Hoàng Trung**: *Thuốc BVTV có vai trò như thế nào trong phát triển nền nông nghiệp nước nhà. Cụ thể hơn ông có thể nói rõ nó chiếm vị trí như thế nào trong hình thành giá thành sản phẩm nông nghiệp, thưa ông?*

Ông Hoàng Trung: Ở Việt Nam, sản xuất nông nghiệp chiếm một vị trí quan trọng. Bên cạnh đó, nước ta lại nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, với điều kiện nóng ẩm, mưa nhiều, do vậy, ngoài vấn đề tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển cũng là tạo điều kiện cho những loài sinh vật gây hại phát triển.

Trong những năm vừa rồi, vấn đề thâm canh để tăng năng suất, cộng với vấn đề biến đổi khí hậu dẫn đến các sinh vật gây hại phát sinh và gây hại trên diện rộng, diễn biến phức tạp. Chính vì vậy, để bảo vệ tốt các loại cây trồng trong sản xuất nông nghiệp, vai trò của thuốc BVTV chiếm một vị trí quan trọng.

Theo thống kê của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) chỉ rõ, nếu chúng ta chi 35 tỷ USD trên toàn thế giới sử dụng các thuốc BVTV để diệt trừ các loại sinh vật gây hại thì thu lại 350 tỷ USD, tức là gấp 10 lần. Thứ hai là tình trạng các sinh vật gây hại ở nước ta diễn biến rất phức tạp, vấn đề là trong từng vụ mùa một, căn cứ vào tình hình dự báo, tình hình phát sinh gây hại của từng loại đối tượng trên từng loại cây trồng, thuốc BVTV đóng vai trò quan trọng, là một trong những biện pháp thường được sử dụng để ngăn chặn sự phát sinh, phát triển của các loại sinh vật này. Trong quá khứ cũng như hiện nay thì thuốc BVTV vẫn là một trong những biện pháp chính ngăn chặn các đợt dịch bùng phát.

Ông Hoàng Trung, Cục trưởng Cục BVTV, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thứ ba là nếu không có thuốc BVTV, theo thống kê và số liệu chính thức mà FAO cung cấp, việc gây thiệt hại do các sinh vật gây hại đối với sản xuất nông nghiệp đang khoảng 50% là cao nhất và có những lại cây trồng thấp hơn cũng ở khoảng 30 – 40%. Đây là tổn tại rất lớn nếu không sử dụng thuốc BVTV. Hiện nay đối với Việt Nam, thuốc BVTV vẫn đang là biện pháp chính. Bên cạnh đó,

về chủ trương chung của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Cục BVTV là chúng ta đã, đang nghiên cứu và đưa ra rất nhiều tiến bộ khoa học, kỹ thuật BVTV. Tuy nhiên khi dịch xảy ra, trong điều kiện biến đổi khí hậu như hiện nay, thuốc BVTV vẫn giữ một vai trò quan trọng góp phần giữ vững an ninh lương thực quốc gia, tạo ra được nông sản sạch. Khi chúng ta sử dụng thuốc BVTV đúng cách, đúng quy định, đúng thời gian cách ly thì sẽ sản xuất được nông sản sạch phục vụ trong nước cũng như xuất khẩu. Vì thế, không chỉ nước ta mà trên thế giới, thuốc BVTV vẫn là một trong những biện pháp chính và chủ đạo để bảo vệ an toàn cho sản xuất nông nghiệp trong nhiều năm nữa.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Thưa ông Nguyễn Văn Sơn, Quyền Chủ tịch, kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Sản xuất và kinh doanh thuốc BVTV Việt Nam. Theo ông, vai trò cốt yếu nhất của thuốc BVTV trong phát triển nông nghiệp là gì?*

Ông Nguyễn Văn Sơn: Thứ nhất, thuốc BVTV là những hợp chất nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp dùng để phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng và nông sản. Trên thế giới, thuốc BVTV đã được dùng từ nhiều thập kỷ qua và ở Việt Nam đã được dùng trên 60 năm, cụ thể đã được dùng từ năm 1955. Cho đến nay, thuốc BVTV vẫn là một loại vật tư quan trọng không thể thiếu trong phòng trừ dịch hại cây trồng, bảo vệ sản xuất trong nông nghiệp. Thuốc BVTV có tác dụng diệt trừ dịch hại nhanh nhất, triệt để và có thể chặn đứng dịch hại trong thời gian ngắn nhất. Hiện nay, gần như 100% các quốc gia trên thế giới đều sử dụng thuốc BVTV để phòng trừ dịch hại.

Nếu không có thuốc BVTV sẽ ảnh hưởng đến an ninh lương thực và sản xuất, xuất khẩu. Ông Hoàng Trung đã có những số liệu hết sức cụ thể của các tổ chức nông lâm thế giới, tình hình sử dụng thuốc BVTV ở Việt Nam. Theo chúng tôi, nếu không sử dụng thuốc BVTV thì sẽ không có gạo để xuất khẩu.

Ông Nguyễn Văn Sơn, Quyền Chủ tịch, kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Sản xuấtvà kinh doanh thuốc BVTV Việt Nam

Thực tế nếu không có thuốc BVTV thì Đồng bằng sông Cửu Long không thể canh tác được 4 triệu ha lúa và như vậy nguy cơ thiếu lương thực và không thể cạnh tranh là khó tránh khỏi. Tương tự như lúa gạo, nếu không có thuốc BVTV thì cây rau, câu ăn quả sẽ giảm từ 30-50% và nhiều loại cây trồng như nho, táo, dưa chuột sẽ không cho thu hoạch.

Do vậy, việc nhiều nơi, nhiều chỗ còn e ngại việc sử dụng thuốc BVTV và cho rằng không cần sử dụng thuốc BVTV, tôi cho rằng suy nghĩ đó hơi quá. Việc quan trọng nhất là ta sử dụng thuốc BVTV gì và sử dụng nó như thế nào vừa bảo đảm phòng trừ được dịch hại, tăng năng suất cây trồng vừa bảo đảm được an toàn cho sức khỏe con người, cho sinh vật có ích và cho môi trường. Đấy mới là mục đích của việc sử dụng thuốc BVTV đúng.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Thưa ông Trương Minh Hoàng, dưới góc độ lập pháp, ông nhìn nhận như thế nào về vai trò hệ thống pháp luật về BVTV đối với nền nông nghiệp nước ta?*

Ông Trương Minh Hoàng: Không chỉ riêng ở Việt Nam, các nước sản xuất nông nghiệp cũng đều sử dụng thuốc BVTV. Vấn đề đặt ra là chúng ta sử dụng như thế nào, liều lượng sử dụng ra sao và thời gian sử dụng được hướng dẫn chi tiết trong các sản phẩm đối với người sử dụng.

Ông Trương Minh Hoàng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của QH

Vai trò của cơ quan lập pháp, các cơ quan chức năng để cùng tham gia vào quy trình lập pháp cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước bằng văn bản quy phạm pháp luật để đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội bền vững. Trong đó, quy định để phát triển một nền sản xuất nông nghiệp an toàn, đưa ra các chế định lập pháp, sau đó giao các cơ quan chức năng hướng dẫn kiểm soát như thế nào để các nhà kinh doanh, các nhà sản xuất biết được danh mục thuốc nào được sử dụng và sử dụng như thế nào đối với từng loại thực vật. Các chính sách pháp luật đó giao cho các cơ quan chức năng, các nhà sản xuất, các hiệp hội hướng dẫn cùng đồng hành với doanh nghiệp và người dân để bảo đảm nền nông nghiệp phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, nếu sử dụng đúng theo tiêu chuẩn trong hướng dẫn BVTV thì bảo đảm an toàn, sạch, đồng thời góp phần thể hiện mẫu mã trên sản phẩm, tạo điều kiện để thực hiện thương mại sản phẩm. Khi chúng ta tham gia xuất khẩu sản phẩm nông sản thì việc kiểm định này càng nghiêm ngặt, ngoài chất lượng thì mẫu mã cũng rất quan trọng.

Trong văn bản quy phạm pháp luật thì cũng quy định đẩy mạnh xã hội hóa trong việc bảo vệ kiểm dịch thực vật và yêu cầu về cải cách hành chính trong thực hiện quy trình này, không những giao cho các Bộ mà giao trách nhiệm của UBND các cấp, các cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân tham gia lĩnh vực

này. Quy định này để phù hợp với thông lệ và cam kết của Việt Nam với thế giới. Khi tham gia xuất khẩu, nếu chúng ta không thực hiện đúng quy trình thì sản phẩm sau khi kiểm định không bảo đảm chất lượng sẽ bị trả về. Đây là vấn đề có nhiều bài học chúng ta đã thấy tác động đến tăng trưởng.

Cùng với đó là quy định để phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật, bảo đảm thuốc BVTV đúng chất lượng. Quy định là vậy song trên thực tế thì các cửa hàng bày bán rất nhiều loại thuốc. Có thể ở vùng đó chỉ chuyên bán thuốc về nuôi trồng thủy sản nhưng cửa hàng lại bày bàn nhiều loại sản phẩm… Hệ thống pháp luật cũng quy định trách nhiệm và thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các xã, các cơ quan có thẩm quyền tham gia lĩnh vực này để đáp ứng yêu cầu phát triển nông sản sạch, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng trong nước và cho xuất khẩu.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Thưa bà Lê Thị Khánh Hòa, đại diện Tổ chức đa quốc gia chuyên nghiên cứu và phát triển thuốc BVTV và giống cây trồng, trong nghiên cứu chuyên sâu bà quan tâm đến vai trò hệ thống pháp luật BVTV Việt Nam như thế nào?*

Bà Lê Thị Khánh Hòa: Thực tế tổ chức CropLife đại diện cho các công ty đa quốc gia về nghiên cứu phát triển và sản xuất kinh doanh thuốc BVTV trên toàn cầu. Tại Việt Nam, chúng tôi hoạt động dưới tổ chức CropLife này. Nói về hệ thống quy định pháp luật của thuốc BVTV thì trên thế giới, Tổ chức FAO đã đưa ra bộ quy tắc về ứng xử đối với quản lý thuốc BVTV và bộ quy tắc này cũng quy định tất cả các hoạt động liên quan đến thuốc BVTV từ khi nghiên cứu, phát minh, kiểm nghiệm, đăng ký sản phẩm, sản xuất, tiêu dùng, đến tiêu hủy sản phẩm. Tất cả các quy định này sẽ bao trùm mọi hoạt động của công ty trong lĩnh vực này. Bên cạnh những quy định của các quốc gia mà mình hướng tới, tất nhiên các quy định của FAO cũng dựa trên cơ sở đánh giá kiểm soát về rủi ro. Đấy là những nguyên tắc cơ bản nhất mà bất cứ quy định nào về thuốc BVTV khi làm đều phải đưa ra.

Bà Lê Thị Khánh Hòa, Giám đốc Đối ngoại Công ty Syngenta Việt Nam;Trưởng nhóm Truyền thông CropLife Việt Nam

Tại các nước, trong đó có Việt Nam, khi xây dựng hệ thống pháp luật về thuốc BVTV cũng có tham chiếu và vận dụng những quy định của bộ quy tắc ứng xử của FAO. Tại Việt Nam, việc pháp luật quy định về thuốc BVTV cũng đã được luật hóa và phân cấp đến tất cả các cơ quan có liên quan từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho đến cấp địa phương để quản lý và điều hành thuốc BVTV. Chúng tôi nhận thấy các quy định về quản lý và sử dụng thuốc BVTV ở Việt Nam là khá đầy đủ và cũng bảo đảm quản lý chặt chẽ, hiệu quả việc đăng ký, lưu hành và sử dụng thuốc BVTV.

Tuy nhiên, chúng tôi là công ty hoạt động trong lĩnh vực này cũng nhìn thấy rằng, cũng có một vài quy định đặc biệt trong thông tư gần đây nhất chưa đáp ứng được hoàn toàn các yêu cầu về quản lý thuốc BVTV đó là dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro. Vì thế mà nó làm cho việc kiểm soát về dư lượng thuốc BVTV trên nông sản hàng hóa chưa tốt. Đây là vấn đề quan tâm của Cục BVTV hiện nay trong quá trình rà soát lại văn bản pháp luật và cũng đang tiến tới để điều chỉnh những quy định này cho phù hợp, bảo đảm làm sao cho nó đáp ứng được với thực tiễn dùng thuốc BVTV cũng như phù hợp phương pháp tiếp cận của quốc tế trong việc quản lý và sử dụng thuốc BVTV.

Thực trạng quản lý, sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: Từ thập niên 70 của thế kỷ XX, cùng với sự phát triển vũ bão của các ngành khoa học, lĩnh vực hóa học và kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV đã có sự thay đổi rất mạnh mẽ: Sự hiểu biết sâu hơn về phương thức tác động của thuốc BVTV đã cho phép phát hiện ra nhiều hoạt chất mới có phương thức tác động khác trước, được sử dụng một cách hiệu quả và an toàn trong ngành sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu sản phẩm nông nghiệp ngày càng tăng, cùng với xu hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa ngày càng mạnh, sản xuất phải thâm canh để tăng sản lượng. Việc sử dụng thuốc BVTV không đúng cách tác động đến vấn đề môi trường như: mất cân bằng sinh thái, kéo theo sự phá hoại của dịch hại ngày càng tăng, đời sống sinh hoạt của con người đảo lộn. Và cuối cùng là mất an toàn thực phẩm tác động tiêu cực tới sức khỏe, tuổi thọ của người dân.

Nguồn: baodautu.vn

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Thưa ông Hoàng Trung. Từ góc độ quản lý nhà nước, ông có thể đánh giá khái quát về thực trạng công tác quản lý, sử dụng, kinh doanh thuốc BVTV tại nước ta thời gian qua?*

Ông Hoàng Trung: Về thực trạng công tác quản lý, sử dụng, kinh doanh thuốc BVTV thời gian qua chúng ta phải đánh giá qua từng góc độ.

Thứ nhất, qua hành lang pháp lý. Có thể nói, hành lang pháp lý phục vụ quản lý nhà nước về thuốc BVTV là tương đối đầy đủ. Ngày 1.1.2015, Luật Bảo vệ và kiểm dịnh thực vật đã chính thức có hiệu lực. Đây là văn bản và cơ sở pháp lý cao nhất cho vấn đề quản lý, sử dụng, kinh doanh thuốc BVTV được xây dựng trên cơ sở khoa học, đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện nay và phù hợp với thông lệ quốc tế. Dưới Luật là một loạt các nghị định, thông tư giúp cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương thực thi tốt việc quản lý này từ khâu đăng ký, khảo nghiệm, kiểm tra chất lượng các loại thuốc BVTV được đưa ra sử dụng tại Việt Nam cũng như trước khi nhập khẩu. Cho đến nay chúng ta đã có hơn 600 tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ cho công tác từ khảo

nghiệm cũng như công tác kiểm tra, kiểm định chất lượng thuốc BVTV nhằm đưa các sản phẩm đến tay người dân phải thực sự bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Trên cơ sở hành lang pháp lý tương đối đầy đủ như vậy thì đến nay các danh mục thuốc BVTV của Việt Nam có 4.068 sản phẩm, trong đó có gần 1.000 sản phẩm có nguồn gốc sinh học. Đây là yếu tố quan trọng phục vụ tốt cho việc tiến tới nền nông nghiệp sạch và hữu cơ. Ngoài gần 1.000 sản phẩm sinh học thì có gần 400 loại thuốc BVTV khác có các hoạt chất thuộc thế hệ mới. Bộ thuốc BVTV hiện nay của Việt Nam được các nước trong khối ASEAN và các nước phát triển đánh giá là khá chuẩn và hầu hết là các thuốc thế hệ mới.

Tiếp theo về cơ cấu thuốc, chúng ta đã nghe rất nhiều cơ quan thông tin truyền thông cho biết, Việt Nam nhập khẩu rất nhiều thuốc, sử dụng tràn lan nhưng thực tế không phải vậy. Vì thuốc BVTV là một trong những vật tư phục vụ cho nông nghiệp, được quản lý chặt chẽ và giá của thuốc BVTV không thể nào có giá thành rẻ hay dễ dàng gì để người nông dân sử dụng một cách trà lan được. Hàng năm cho đến 5 năm chúng tôi tổng kết kiểm tra cho thấy, lượng thuốc nhập khẩu vào Việt Nam trên dưới khoảng 100.000 tấn, trong đó 40% là gia công, sang chai để xuất khẩu đi với khoảng 40 thị trường, đây là lượng thuốc đem lại giá trị kim ngạch lớn. 60% còn lại, trong đó chiếm 40% thuốc BVTV là thuốc trừ cỏ, 10% là các loại thuốc sử dụng trong bảo quản và sử dụng xử lý cho mục đích kiểm định thực vật đối với tất cả các sản phẩm nông sản chúng ta trước khi xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu kiểm định thực vật của các nước. Do vậy, lượng thuốc còn lại được chính thức sử dụng trên đồng ruộng Việt Nam chỉ khoảng 30.000-40.000 tấn/năm.

Sản xuất và gia công sản xuất thuốc BVTV chiếm 40% lượng thuốc BVTV nhập khẩu vào Việt Nam. Có khoảng 85 nhà máy sản xuất thuốc BVTV nhưng gia công là chính và cũng được kiểm tra, kiểm soát rất chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào cho đến các sản phẩm từ nhà máy trước khi đưa ra thị trường và xuất khẩu.

Việc kinh doanh thuốc BVTV đã phân cấp cho toàn hệ thống từ Trung ương tới địa phương với khoảng 30.000 đại lý thuốc BVTV. Các đại lý này đều được các cơ quan chuyên môn của địa phương kiểm tra, rà soát, tập huấn, hướng dẫn để làm sao từng đại lý ngoài vấn đề kinh doanh thì phải có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng cho người dân khi người ta có nhu cầu đến mua thuốc bảo vệ sản xuất trên cánh đồng của họ.

Vấn đề sử dụng thuốc, việc người dân sử dụng thuốc BVTV không đúng quy cách, lạm dụng thuốc BVTV thì chúng tôi thừa nhận là có. Nhưng qua các điều tra gần nhất và kết thúc vào cuối năm 2016 cho thấy, tỷ lệ người dân lạm dụng thuốc BVTV và không đúng theo nguyên tắc 4 đúng của ngành BVTV mới chiếm có 19,5%. Các vi phạm cũng chủ yếu là không có bảo hộ lao động và tăng liều lượng sử dụng lên và một số các vi phạm khác nhưng nói chung tỉ lệ không cao.

Theo số liệu cho đến nay thu thập được thì hàng năm, Cục BVTV và các chi cục các địa phương phối hợp với các hiệp hội, doanh nghiệp và tập đoàn lớn về thuốc BVTV đã tiến hành tổ chức tập huấn cho người nông dân. Mỗi năm, có ít

nhất khoảng 200.000- 300.000 nông dân được tham gia tập huấn sử dụng thuốc BVTV hiệu quả. Được sự chỉ đạo chung của Bộ và chúng tôi đang chỉ đạo cho từng địa phương, tiếp tục tập huấn và nâng cao nhận thức cho người nông dân để họ đặc biệt chỉ sử dụng các sản phẩm an toàn, hiệu quả, làm sao cho các sản phẩm nông nghiệp sản xuất ra phải bảo đảm không có mức dư lượng chất BVTV hoặc chỉ trong mức cho phép, phục vụ cho nội tiêu cũng như đáp ứng cho xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Thuốc BVTV là "con dao hai lưỡi", nếu chúng ta không kiểm soát chặt chẽ, sử dụng không đúng cách sẽ gây tác hại xấu đến sản phẩm, tới sức khỏe và môi trường. Thưa bà Lê Thị Khánh Hòa, từ góc độ nghiên cứu, bà chia sẻ đánh giá của mình về thực trạng sử dụng thuốc BVTV tại Việt Nam? Cụ thể những mặt được là gì, và còn những vấn đề tồn tại, hạn chế gì?*

Bà Lê Thị Khánh Hòa: Là công ty nghiên cứu và phát triển sản phẩm, chúng tôi đều khẳng định rằng để nghiên cứu ra một bộ thuốc và loại TBVT là một quá trình. Có thể nói, để đưa được một sản phẩm ra thị trường thì chúng tôi phải mất từ 10 – 12 năm nghiên cứu, phát triển và đăng ký, đồng thời phải trải qua trên 25 nghìn nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, trên đồng ruộng để đánh giá các hiệu lực sinh học cũng như các tác động đến môi trường, con người và các sinh vật gây hại. Chi phí cho một nghiên cứu đó khoảng 260 triệu USD. Chính vì vậy, chúng tôi luôn luôn hiểu rằng, để sản phẩm được tồn tại trên thị trường và phát huy được tác dụng tốt nhất thì người nông dân phải hiểu và sử dụng đúng toàn bộ các công nghệ được nghiên cứu.

Chính vì vậy, tại Việt Nam, các công ty thành viên của Tổ chức CropLife thường xuyên kết hợp với Cục BVTV, với hệ thống quản lý khuyến nông từ Trung ương đến địa phương để có thể đào tạo, tập huấn người nông dân và đội ngũ làm dịch vụ BVTV làm sao họ có thể sử dụng an toàn các sản phẩm thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng do Cục BVTV đưa ra. Thời gian gần đây, người nông dân cũng đã có tiến bộ hơn rất nhiều trong việc sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng của Cục BVTV. Điều này cũng thể hiện hiệu quả BVTV cũng đã được tăng lên và việc sử dụng đúng theo đúng nguyên tắc này thì vai trò của Cục BVTV rất quan trọng trong việc tạo ra môi trường cũng như các quy định rất chặt chẽ để các công ty phải tuân thủ.

Bên cạnh đó, gần đây, thuốc BVTV đã được đưa vào một cách chuyên nghiệp hơn thông qua các tổ, đội dịch vụ BVTV cũng như các dịch vụ về nông nghiệp, các hợp tác xã, đã hình thành các đội ngũ, các tổ phun thuốc BVTV chuyên nghiệp, điều này thực sự đã giảm thiểu đáng kể số lượng người nông dân tiếp xúc trực tiếp với thuốc BVTV. Hơn nữa, với đội ngũ chuyên nghiệp này, việc đào tạo, tập huấn của chúng tôi, cũng như của các hệ thống BVTV khuyến nông ở địa phương cũng thuận lợi và chuyên sâu hơn rất nhiều và kiến thức của đội ngũ này cũng đã khá chuyên nghiệp. Chúng tôi đã nhìn thấy diều này qua các mô hình như chè và lúa khá tiên tiến. Chúng tôi mong muốn mô hình này sẽ được nhân rộng ở những cây trồng khác.

Tuy nhiên, chúng ta cũng biết, với hơn 10 triệu nông hộ với quy mô rất nhỏ, lẻ ở nước ta thì việc tiếp cận đến toàn bộ người nông dân để hướng dẫn các kiến thức về nông học và sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng là một thách thức,

không những đối với cơ quan nhà nước mà cả các công ty trong lĩnh vực thuốc BVTV. Chính vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng sẽ phải có những cách tiếp cận mới hơn, cũng như phải có sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa để có thể triển khai được việc đào tạo và tập huấn này.

Ngoài ra, hiện nay chúng tôi cũng thấy rằng thực trạng khá nhức nhối gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng nông sản, cũng như môi trường, đó là hiện tượng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng của thuốc BVTV và một bộ phận kinh doanh không chân chính đã đưa những sản phẩm này ra thị trường làm ảnh hưởng đến người nông dân, đầu tiên là ảnh hưởng đến sức khỏe của họ, hai là ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm nông nghiệp, ba là gây ảnh hưởng đến xã hội và cũng là làm ảnh hưởng đến các nhà sản xuất thuốc BVTV chân chính. Đây là thực trạng mà các cơ quan cần quan tâm hơn nữa để giám sát và có thể có những chế tài mạnh mẽ hơn nữa để xử lý vấn nạn hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng thuốc BVTV trên thị trường.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: Đây cũng chính là những trăn trở của cơ quan quản lý Nhà nước làm sao để các quy định đưa ra được thực hiện tốt trong cuộc sống, làm sao khắc phục được tình trạng trên, từ việc quản lý, đến trách nhiệm của người kinh doanh, người quản lý, của chính quyền các cấp và đặc biệt là nhận thức của người sản xuất. Khoảng cách này ngày càng được kéo sát thì việc bảo đảm an toàn thuốc BVTV càng được tốt hơn.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Trong sản xuất nông nghiệp, muốn tăng năng xuất thì việc sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc BVTV có mối quan hệ mật thiết với nhau, cùng tìm kiếm lợi nhuận qua sản phẩm nông nghiệp. Nhưng trong lĩnh vực đặc thù này nếu tách bạch kinh doanh với sử dụng sẽ mang lại hậu quả không lường. Thưa TS Lê Văn Thịnh, ông có thể cho biết ý kiến của mình?*

TS Lê Văn Thịnh: Thứ nhất, dù là người kinh doanh hay người sử dụng thuốc BVTV thì đều có mục đích là tăng lợi nhuận. Vấn đề là làm sao nâng cao trách nhiệm của cả người kinh doanh và người sử dụng để khoảng cách giữa người kinh doanh và người sử dụng gần nhau thì việc kinh doanh hay sử dụng thuốc BVTV đều được bảo đảm.

TS Lê Văn Thịnh, Phó tổng Giám đốc Công ty THHH Việt Thắng

Tôi cho rằng, thời gian gần đây, bên cạnh những thông tư mới cùng những chỉ đạo của các cơ quan chức năng về việc quản lý, sử dụng thuốc BVTV thì công tác quản lý thuốc BVTV ở Việt Nam có thể nói là rất ổn định, rất tốt; lượng thuốc BVTV độc hại bị loại dần ra. Người kinh doanh như chúng tôi nhận thấy số người sử dụng thuốc sinh học đã tăng lên. Những năm trước năm 2014 thì thuốc hóa học được sử dụng trên 70% nhưng đến nay thuốc hóa học chỉ còn khoảng 20-30%. Có thể nói rằng, việc sử dụng thuốc BVTV đến nay đã có nhiều thay đổi. Định hướng của Nhà nước, của Cục BVTV hiện nay hướng cho người dân sử dụng thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc hữu cơ rất đúng đắn.

Thứ hai, về vấn đề tìm kiếm lợi nhuận. Thực tế đã kinh doanh thì phải tìm kiếm lợi nhuận nhưng làm sao doanh nghiệp phải có trách nhiệm với cộng đồng. Về phía doanh nghiệp chúng tôi đã thành lập và làm việc trên 20 năm về thuốc BVTV, khoảng 500 công nhân, doanh thu trên 2.000 tỷ đồng nhưng chưa có trường hợp nào trong công ty bị bệnh tật hay ung thư do ảnh hưởng của thuốc dù chúng tôi là những người trực tiếp tiếp xúc với thuốc BVTV… Phải khẳng định rằng, chúng tôi hoàn toàn tuân thủ các vấn đề về quản lý thuốc, sử dụng thuốc, vấn đề an toàn, vấn đề phòng chống cháy nổ...

Trong lĩnh vực đặc thù này, nếu tách bạch giữa kinh doanh và sử dụng thì sẽ mang lại những hậu quả khôn lường. Nếu kinh doanh mà không có trách nhiệm với xã hội, không tuân thủ pháp luật thì sẽ mang lại hậu quả khôn lường, bởi

trình độ người sử dụng hiện nay còn hạn chế, người bán thuốc nói như thế nào là người dùng tin như thế. Về vấn đề này, các cơ quan chức năng cần tuyên truyền nhiều hơn cho người sử dụng, bởi người sử dụng hiện nay vẫn còn mơ hồ về tính độc hại của thuốc, chưa phân biệt được loại thuốc nào sinh học, hóa học. Nếu chúng ta không tuyên tuyền tốt, thì vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, nước, xuất nhập khẩu, an toàn thực phẩm…

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Thưa ông Nguyễn Văn Sơn, dưới góc nhìn của hiệp hội, xin ông có thể chia sẻ đánh giá của mình về thực trạng quản lý, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV thời gian qua? Thực trạng này có nguyên nhân từ đâu, thưa ông?*

Ông Nguyễn Văn Sơn: Theo chúng tôi được biết thực tế sản xuất nông nghiệp Việt Nam cũng như ở hầu hết các nước có nền nông nghiệp phát triển bền vững trên thế giới, việc sử dụng thuốc BVTV đã đem lại lợi ích lớn cho nhà nông. Nhưng nếu không quản lý và sử dụng một cách hợp lý thì thuốc BVTV có thể gây tổn hại môi trường sinh thái, đến sức khỏe con người, đến vật nuôi. Chính vì vậy, thời gian qua, việc sử dụng thuốc BVTV có những lúc, những nơi đã bùng lên tranh luận về vai trò thuốc BVTV trong biện pháp BVTV. Thậm chí nhiều nơi, nhiều chỗ còn có biểu hiện bài xích, kỳ thị và tẩy chay thuốc BVTV. Đây là tư tưởng chưa đúng.

Theo các nhà khoa học ở Việt Nam và trên thế giới thì tiêu cực do lạm thuốc BVTV là có nhưng có thể khắc phục được. Có nghĩa là chúng ta sẽ phải lựa chọn thuốc BVTV gì và dùng nó như thế nào. Thực tế hiện nay, những nước tiên tiến trên thế giới thì thuốc BVTV mà gây ung thư, quái thai và có độ độc mạnh đã được loại bỏ. Ở Việt Nam, những loại thuốc nào có biểu hiện gây ung thư, quái thai, gây ngộ độc nặng mức độ 1A, 1B cũng đã bị loại bỏ. Nên đây là tín hiệu thông tin đáng mừng đối với người sử dụng và môi trường.

Khoảng 10 năm về trước, khâu yếu nhất trong lĩnh vực thuốc BVTV mà dư luận thường bức xúc và lo lắng, thứ nhất là việc nhập lậu thuốc BVTV, thuốc trừ cỏ, thuốc BVTV ngoài danh mục, thuốc giả thuốc nhái là hiện tượng gây bức xúc nhất.

Thứ hai, người bán thuốc thiếu chuyên nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ, việc sử dụng thuốc BVTV của bà con nông dân còn tùy tiện kém hiểu biết và phụ thuộc hoàn toàn vào hướng dẫn của đại lý bán hàng. Trình độ của các đại lý thuốc BVTV còn yếu kém, thường chạy theo lợi nhuận bất chấp hiệu quả xấu có thể gây ra. Trong khi đó các cấp chính quyền từ tỉnh xuống huyện, xã dù đã được giao nhiệm vụ nhưng vẫn đứng ngoài cuộc mà đẩy hết trách nhiệm này cho phía ngành BVTV. Đây là cái mà thực tế ngành BVTV người cũng không có nhiều cho nên việc "bao sân" gặp nhiều khó khăn.

Thứ ba, tâm lý sợ mất mùa nên đa số người sử dụng thuốc BVTV chỉ thích dùng những loại thuốc BVTV có tác động nhanh, ngược lại nhiều loại thuốc BVTV sinh học hoặc nguồn gốc sinh học rất an toàn cho ngành môi trường nhưng do tác dụng chậm và có thể một vài loại giá đắt ít được sử dụng.

Còn có hiện tượng nông dân sử dụng thuốc BVTV không theo hướng dẫn kỹ thuật mà sử dụng theo kinh nghiệm. Khi sử dụng thuốc BVTV gần như không quan tâm đến các thông tin hướng dẫn trên nhãn, do đó không xác định được thời điểm gây hại của dịch hại vào thời điểm cần xử lý liều lượng thuốc thì thường là tăng hơn so với hướng dẫn và trộn nhiều loại thuốc với nhau không bảo đảm thời gian cách ly dẫn đến các hiện tượng tiêu cực, kháng thuốc như hiện tượng dư lượng thuốc BVTV vượt qua ngưỡng.

Hiện tượng người nông dân trước đây dùng thuốc xong vứt bao bì ngay tại ruộng, tại bờ mương vẫn còn xả ra. Các nhà phân phối thuốc, nhất là đại lý thường thích bán loại thuốc mà người dân thích và có lợi nhuận, theo trào lưu. Đấy là những hiện tượng trước đây xảy ra.

Cho đến nay, công tác quản lý và kinh doanh thuốc BVTV của ngành nông nghiệp, của ngành BVTV cũng phối hợp với các doanh nghiệp, các cơ quan, ban, ngành khác, trong đó có các cơ quan truyền thông thì đã có nhiều tiến bộ rõ ràng.

Để quản lý và sử dụng thuốc BVTV nhằm giảm thiểu độc hại đối với sức khỏe con người và môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục BVTV cũng đã tiếp tục rà soát lại các văn bản và cơ quan chúng tôi cũng đang đề xuất rà soát sửa đổi lại Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT về quản lý thuốc BVTV.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Cục BVTV đã tiến hành xây dựng định hướng sử dụng thuốc BVTV một cách phù hợp với điều kiện Việt Nam làm cơ sở để xây dựng kế hoạch và chính sách sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV tại Việt Nam.

Cục BVTV cũng đã đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác hại của thuốc BVTV về con người, môi trường khả thi.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục BVTV đang xây dựng và công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng tất cả các loại thuốc BVTV.

Hội Doanh nghiệp Sản xuất và kinh doanh thuốc BVTV Việt Nam (VIPA) và CropLife đề nghị nhà nước cần có chính sách khuyến nông như hỗ trợ nông dân vốn, vật tư, đầu tư, ưu tiên việc sử dụng thuốc BVTV sinh học; cần có chính sách hỗ trợ giá cho nông dân khi dùng các thuốc BVTV sinh học và nguồn gốc sinh học.

Các doanh nghiệp thuốc BVTV nói chung đang và sẽ phối hợp với ngành BVTV xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch gắn với việc sử dụng thuốc BVTV sinh học và thuốc BVTV hóa học thế hệ mới ít độc hại.

VIPA và CropLife đã phối hợp với Cục BVTV tổ chức các lớp tập huấn nâng cao hiểu biết pháp luật quy định về quản lý thuốc BVTV cho các đại lý thuốc BVTV trên toàn quốc.

Chúng tôi đề nghị Cục BVTV, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoàn thiện công tác khảo nghiệm thuốc BVTV, xây dựng các quy phạm chương trình khảo nghiệm thống nhất trong cả nước. Xây dựng hệ thống khảo nghiệm bảo đảm kết quả tin cậy là cơ sở hướng dẫn để ghi nhãn thuốc. Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm bảo đảm về mặt khoa học sát với thực tế việc sử dụng thuốc BVTV, các đơn vị khảo nghiệm thuốc BVTV phải chịu trách nhiệm về những kết quả này và làm hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV mà không cần phải làm khảo nghiệm nhằm giảm tốn kém công sức ở cấp tỉnh.

Chúng tôi đề nghị, Cục BVTV, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan hữu quan tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn pháp luật cho cán bộ và công tác quản lý thuốc BVTV và thanh tra chuyên ngành thuốc BVTV.

Các doanh nghiệp thuốc BVTV đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục BVTV, các cơ quan quản lý có liên quan tăng cường lực lượng kiểm tra, kiểm soát thị trường và tăng hình thức xử phạt. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần

xem xét sửa đổi quy định Điều 244, Bộ luật Hình sự và huy động các đoàn thể, tổ chức ở địa phương tham gia vào công tác giám sát, phát hiện, tố giác những trường hợp buôn bán thuốc BVTV giả, kém chất lượng, ngoài danh mục.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ đang hình thành và phát triển xen lẫn với nông nghiệp truyền thống. Điều này đặt ra cho quản lý, sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV những thách thức gì, thưa ông Hoàng Trung?*

Ông Hoàng Trung: Sản xuất nông nghiệp sạch và sản xuất nông nghiệp hữu cơ là chủ trương lớn của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đây cũng là xu hướng tất yếu không những ở Việt Nam mà còn ở tất cả các nước trên thế giới.

Hiện nay, Việt Nam đang có sự đan xen giữa nông nghiệp truyền thống và chúng ta đang hướng tới nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Điều này đặt ra nhiều thách thức, tồn tại và phương thức xử lý như thế nào cho phù hợp?

Về thách thức, thứ nhất, hiện nay sản xuất nông nghiệp hữu cơ đang thiếu cơ sở pháp lý. Việt Nam chưa có cơ sở pháp lý chính thống nào để quy định cụ thể cho vấn đề sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Từ năm 2006, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới ban hành tiêu chuẩn ngành về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuy nhiên còn rất chung chung, khi đưa vào thực tế thì còn gặp nhiều khó khăn.

Muốn sản xuất nông nghiệp hữu cơ chúng ta phải có cơ sở pháp lý để có căn cứ xác nhận những cơ sở, tổ chức có đủ tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp hữu cơ cũng như xác nhận những sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ, quá trình thương mại

sau này với sản phẩm hữu cơ và nhiều vấn đề khác liên quan đến pháp lý mới có thể tiến tới thực hiện tốt nền nông nghiệp hữu cơ.

Thứ hai là vấn đề chính sách cụ thể hỗ trợ để phát triển nông nghiệp hữu cơ. Vậy tại sao chúng ta phải có các chính sách này? Bởi vì, khi chuyển từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ sẽ có rất nhiều thay đổi từ vấn đề nhận thức, quy trình và việc áp dụng các phương pháp mới vào sản xuất. Nói đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ là chúng ta thay đổi căn bản quy trình sản xuất, là không được sử dụng các loại phân bón hóa học, các loại thuốc BVTV hóa học và các loại thuốc, chất kích thích sinh trưởng. Đây là một trong những thay đổi tập quán rất lớn về sản xuất mà bao nhiêu năm nay người dân đã áp dụng và thấm sâu vào cách thức sản xuất của họ. Bên cạnh đó, nói đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ là phải bỏ ra rất nhiều công sức, tốn rất nhiều chi phí cho một sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (thường gấp 2-3 lần so với các sản phẩm nông nghiệp truyền thống chúng ta làm trước đây). Mặt khác, các nền đất chúng ta sản xuất trước đây theo truyền thống đã sử dụng khá nhiều phân bón và các thuốc BVTV hóa học, ít nhiều làm ảnh hưởng đến môi trường đất. Khi chúng ta quay trở lại sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên đất đó mà không sử dụng các loại hóa chất nữa thì giai đoạn ban đầu sẽ rất khó khăn cho người sản xuất nông nghiệp hữu cơ và dẫn tới tình trạng cây trồng trên nền đất đó không phát triển, các loại sâu bệnh sẽ phát sinh nhiều hơn, khó khăn hơn trong vấn đề kiểm soát sâu bệnh. Khi áp dụng các phương pháp thuốc BVTV sinh học, thuốc phòng trừ sâu bệnh, dịch hại cũng tác dụng chậm hơn, trong khi trước đây người dân quen sử dụng thuốc BVTV hóa học nên khi xịt, sử dụng thì sâu quấn lá, rầy nâu… chết ngay. Điều này yêu cầu người dân phải có tư duy và nhận thức mới thì mới có thể áp dụng thành công sản xuất nông nghiệp hữu cơ khi năng suất đối với sản xuất nông nghiệp hữu cơ sẽ ít hơn so với sản xuất nông nghiệp truyền thống.

Thứ ba, liên quan đến vấn đề thị trường. Chính vì chúng ta chưa có hành lang pháp lý cụ thể nên thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm nông sản hữu cơ cũng gặp rất nhiều khó khăn. Khi đưa một sản phẩm nông sản hữu cơ ra ngoài thị trường thì việc phân biệt giữa nông sản sản xuất theo phương pháp hữu cơ và nông sản sạch với nông sản sản xuất theo truyền thống là rất khó khăn cho người tiêu dùng. Điều này dẫn tới tình trạng khi chúng ta sản xuất một sản phẩm nông nghiệp hữu cơ với chi phí cho 1 kg thường tiêu tốn gấp 2-3 lần so với sản xuất truyền thống, thế nhưng giá bán lại chỉ tương đồng, thậm chí còn thấp hơn vì mẫu mã của sản phẩm nông sản hữu cơ xấu hơn so với sản phẩm sạch và sản phẩm truyền thống.

Muốn hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hữu cơ thì đầu tiên chúng ta cần xây dựng được hành lang pháp lý. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trực tiếp là Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường đang chỉ đạo xây dựng Nghị định về sản xuất nông nghiệp hữu cơ dự kiến trình Chính phủ trong quý III năm 2017 để ban hành, tạo hành lang pháp lý tốt để các doanh nghiệp, địa phương làm cơ sở để thực thi và sản xuất tốt nền nông nghiệp hữu cơ.

Bên cạnh đó, về lĩnh vực thuốc BVTV, chúng tôi sẽ có chính sách ưu tiên, rõ ràng và thực sự hiệu quả cho các doanh nghiệp đăng ký và sử dụng các thuốc

BVTV có nguồn gốc sinh học để phục vụ cho sản xuất hữu cơ. Tăng nhiều số lượng, đa dạng chủng loại, nâng cao chất lượng thuốc BVTV sinh học vào trong danh mục thuốc BVTV hiện nay.

Mặt khác, cần xây dựng ngay được quy trình sử dụng thuốc BVTV sinh học đối với việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Đưa ra quy trình giám sát trong các khâu sản xuất, đặc biệt là khâu sử dụng thuốc BVTV sinh học; bảo đảm người dân thực hiện đúng quy trình sản xuất, tuân thủ quy định phòng trừ sâu bệnh với thuốc BVTV sinh học. Khi vừa hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thì chúng ta mới đưa ra thị trường được các sản phẩm chính hiệu là sản phẩm hữu cơ.

Đây là những giải pháp trước mắt và lâu dài từ phía Bộ và các cục chuyên ngành của Bộ đã đưa ra để xây dựng nền nông nghiệp hữu cơ, với sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng trong nước, tiến tới xuất khẩu.

Nguồn: ITN

Thuốc BVTV với phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, bền vững

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: Nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ là hướng đi tất yếu của nền nông nghiệp hàng hóa, hiện đại. Chính hướng đi này đòi hỏi thay đổi sâu rộng trong phát triển nông nghiệp nước ta trong đó có quản lý, sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc BVTV. Đây là một quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền nông nghiệp vừa cấp bách, vừa lâu dài đòi hỏi bước đi bài

bản trong sản xuất, xây dựng thương hiệu, thị trường, thói quen của người sản xuất và tiêu dùng…; là quá trình liên tục, cách mạng từ nhận thức đến hành động.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc BVTV đối với thị trường nông nghiệp Việt Nam có gì khó khăn và đâu là hướng đi của tập đoàn chiếm lĩnh và hỗ trợ cho thị trường nông nghiệp sạch ở Việt Nam, thưa bà Lê Thị Khánh Hòa?*

Bà Lê Thị Khánh Hòa: Cùng với các công ty thành viên của Tổ chức CropLife, chúng tôi luôn luôn ủng hộ và hướng tới một nền nông nghiệp bền vững. Ở đây chúng tôi muốn khẳng định, đó là một nền nông nghiệp bền vững, trong đó đã là bền vững thì các yếu tố phải bảo đảm được yêu cầu sạch, bảo đảm an toàn thực phẩm và có lợi nhuận cho người nông dân. Đây là những điểm mà các công ty thành viên của Tổ chức CropLife luôn luôn hướng tới.

Để phát triển được điều này thì động lực chính là nghiên cứu và phát triển các giải pháp và công nghệ BVTV. Ngoài ra, chúng tôi cũng nghĩ rằng, để phát triển được một nền nông nghiệp bền vững thì việc phát triển công nghệ BVTV phải kết hợp với công nghệ chọn, tạo giống hiện đại, bảo đảm có được những sản phẩm tạo ra được từ giống có sức đề kháng với các sâu bệnh hại. Đó là hướng đi và hướng phát triển của các công ty thành viên Tổ chức CropLife.

Ngoài ra, theo như chúng tôi được biết, Việt Nam hiện đang có xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tất nhiên, chúng tôi không phản đối nông nghiệp hữu cơ, tuy nhiên, theo nhận định cũng như định hướng của CropLife, chúng tôi

được biết nông nghiệp hữu cơ hiện nay chỉ chiếm khoảng 1% trong nông nghiệp. Ngay như Nhật Bản là một nước nông nghiệp khá tiên tiến và họ cũng là nước sản xuất nông nghiệp sạch nhưng nông nghiệp hữu cơ cũng chỉ chiếm khoảng 0,24%. Tất nhiên năng suất của nông nghiệp hữu cơ cũng chỉ đạt được từ 50 – 80% so với sản xuất nông nghiệp bền vững. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng, nông nghiệp hữu cơ có thể là hướng đi nhưng không thể là giải pháp để bảo đảm được an ninh lương thực trên toàn cầu, cũng như đáp ứng được năng lực sản xuất của thế giới đang ngày càng tăng lên.

Đối với các công ty thuộc Tổ chức CropLife, chúng tôi luôn mong muốn công nghệ của chúng tôi khi phát triển sẽ được đưa đến người nông dân một cách nhanh nhất. Chính vì vậy, chúng tôi mong muốn những sản phẩm, công nghệ của chúng tôi sẽ được phát triển ở thị trường Việt Nam sớm nhất.

Cũng như ông Hoàng Trung đã cho biết thì hiện nay bộ sản phẩm thuốc BVTV của Việt Nam khá tiên tiến, nghĩa là trên thế giới có sản phẩm gì thì Việt Nam cũng có. Tôi cũng khẳng định, đối với các công ty sản xuất thuốc BVTV, hay cụ thể là Công ty Syngenta Việt Nam thì hiện nay chúng ta có những sản phẩm được đưa ra trên thế giới, chỉ đứng thứ hai sau một nước. Bởi Việt Nam quy định chỉ cho phép một sản phẩm BVTV sau khi được đăng ký ở một nước khác thì mới được đăng ký ở Việt Nam. Do đó, Việt Nam có thể chỉ là nước thứ hai trên thế giới mà người nông dân được sử dụng sản phẩm đó. Điều này, chúng tôi cũng mong muốn sẽ có những chính sách khuyến khích làm sao những sản phẩm tiên tiến nhất trên thế giới, khi chúng tôi đã phát minh ra thì người nông dân Việt Nam cũng được tiếp cận và sử dụng những sản phẩm đó. Tuy nhiên, cũng có những sản phẩm rất đặc trưng và đặc dụng cho Việt Nam chúng tôi cũng mong rằng người Việt Nam phải được tiếp cận và bên cạnh đó sản phẩm về công nghệ sinh học, sản phẩm sinh học và có nguồn gốc sinh học sẽ là một trong những sản phẩm mà chúng tôi quan tâm. Hiện nay, các công ty cũng đang mong muốn phát triển và giới thiệu nhiều hơn nữa sản phẩm có nguồn gốc sinh học, đặc biệt là những sản phẩm như kiểm soát tuyến chủng.

Chúng tôi cũng nghĩ rằng, công nghiệp công nghệ số trong nông nghiệp cũng là một trong những công nghệ mới mà các công ty thuộc Tổ chức CropLife đang mong muốn được chuyển giao vào Việt Nam. Bởi chúng ta cũng được biết, hiện nay công nghệ số được coi là ngành công nghiệp thứ 4 trên thế giới và công nghiệp công nghệ số trong nông nghiệp cũng sẽ là một hướng đi tất yếu để kết nối toàn bộ những công nghệ của các nhà sản xuất đến người nông dân và đến với thị trường tiêu thụ. Đây là điều chúng tôi đang mong muốn và đã đề xuất với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ được triển khai thử nghiệm tại Việt Nam công nghiệp công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Xin được hỏi ông Lê Văn Thịnh, từ lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có thể đóng góp gì cho phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ?*

TS Lê Văn Thịnh: Từ kinh nghiệm của Công ty TNHH Việt Thắng, tôi cho rằng, bản thân mỗi doanh nghiệp kinh doanh thuốc BVTV phải liên tục đổi mới, kết hợp cùng với các cơ quan như Cục BVTV, các tập đoàn kinh doanh thuốc BVTV trên thế giới để liên kết và học hỏi.

Cụ thể, chúng tôi đã kết hợp với tập đoàn kinh doanh thuốc BVTV của Mỹ là CERTIS USA.LLC sản xuất một sản phẩm sinh học đã gần 20 năm và đã phát triển rất bền vững ở Việt Nam, như thuốc sinh học Delfin 32 WG, Thuricide HP, thời gian cách ly chỉ 4 giờ. Nếu sản phẩm này được đưa ra thị trường lớn hơn thì rất tốt cho sức khỏe cộng đồng cũng như vấn đề dư lượng thuốc BVTV. Đặc biệt, những sản phẩm này sử dụng trên các cây quả, cây rau như su hào, bắp cải cho hiệu quả rất tốt. Hiện nay, Công ty THHH Việt Thắng đang kết hợp với các đại lý tập huấn cho người sử dụng về cách dùng thuốc BVTV. Thuốc nhiều khi tốt nhưng công tác quản lý, công tác hướng dẫn sử dụng không đúng cách thì lại dẫn đến hậu quả không tốt.

Một vấn đề nữa tôi muốn kiến nghị, đó là giảm thuế nhập khẩu cho thuốc BVTV sinh học. QH và Chính phủ nên đưa ra một mức thuế nhập khẩu riêng cho thuốc BVTV sinh học, còn nếu cứ cào bằng đều thuốc hóa học và sinh học thì rất khó để có thể loại bỏ hoàn toàn những thuốc BVTV hóa học độc hại.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Vậy thưa ông Hoàng Trung, giải pháp nào cho quản lý, sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc BVTV hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch*

Ông Hoàng Trung: Để hướng tới một nền nông nghiệp sạch, đối với góc độ thuốc BVTV có 5 giải pháp:

Giải pháp đầu tiên, tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là cơ chế chính sách, chúng ta vừa làm, vừa rà soát những vấn đề ở các văn bản, chính sách, những chỗ nào chưa phù hợp, những chỗ nào cần bổ sung để đáp ứng tình hình sản xuất mới hiện nay. Đây là trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chúng tôi sẽ rà soát để làm sao hoàn thiện và củng cố hệ thống văn bản pháp luật đã hoàn thiện rồi, nhưng sẽ tốt hơn trong thời gian tới. Đặc biệt làm sao đáp ứng nền nông nghiệp sản xuất hữu cơ cũng như nền nông nghiệp sạch.

Ở đây có mấy vấn đề, thứ nhất, tập trung đưa vào các quy định để ưu tiên tối đa cho việc đăng ký và sử dụng thuốc BVTV sinh học và thuốc thế hệ mới.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện ngay các quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới việc kiểm tra, kiểm định chất lượng các loại thuốc BVTV để sớm được sản xuất và đến tay người sử dụng là những sản phẩm thực sự có hiệu quả và chất lượng.

Thứ ba, tiếp tục đưa ra những chế tài và quy định rõ ràng hơn trong việc rà soát loại bỏ các loại thuốc BVTV độc hại và gây mất an toàn trong sản xuất nông nghiệp và đặc biệt ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường. Chúng ta có cơ chế làm sao rà soát nhanh để loại bỏ những loại thuốc này. Trong thời gian vừa qua, về phía Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng như Cục BVTV đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ này và cũng đã loại bỏ được 620 loại thuốc BVTV có độ độc nhóm 1, nhóm 2 và có các bằng chứng khoa học gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường, cũng như hiệu lực sinh học của thuốc thấp.

Thứ đến, bổ sung thêm các điều khoản để tăng cường bảo đảm chất lượng công tác khảo nghiệm cũng như vấn đề đăng ký thuốc BVTV và có cơ chế là có "cho vào" thì phải có "cho ra". Tức là chúng ta khuyến khích đưa các loại thuốc BVTV thế hệ mới và thuốc sinh học vào trong danh mục nhưng đồng thời phải có cơ chế để loại bỏ thuốc BVTV độc hại và những thuốc BVTV không phù hợp với xu thế sản xuất nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch hiện nay.

Giải pháp thứ hai, tăng cường chỉ đạo các địa phương ứng dụng các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực BVTV vào trong sản xuất. Chúng ta có mấy giải pháp đã và đang làm và tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới. Đó là, chương trình phòng trừ dịch hại tổng hợp, chương trình IPM. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có đề án và đã chỉ đạo triển khai rầm rộ tại tất cả các tỉnh, thành. Đây là một chương trình rất có hiệu quả và người dân rất hưởng ứng. Từ đó, chúng ta đưa ra một số tiến bộ mới, hiện nay đang áp dụng và tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới như là chương trình một phải, năm giảm; Ba giảm, ba tăng; chương trình công nghệ sinh thái; Bờ hoa ruộng lúa… Chúng ta đang tiếp tục đánh giá để nhân rộng các chương trình này. Đặc biệt, một trong những việc giải quyết vấn đề cơ bản, đó là tăng cường nghiên cứu và ứng dụng triển khai các giống cây trồng có gen kháng bệnh như lúa có khả năng chống vàng lá, lúa kháng rầy nâu, lúa kháng đạo ôn… thì sẽ hạn chế tối đa việc sử dụng các loại thuốc BVTV cũng như một số chế phẩm khác.

Giải pháp thứ ba, một trong những giải pháp mang tính chất tiên quyết có thể giải quyết căn cơ việc sử dụng thuốc BVTV không đúng quy định cũng như việc lạm dụng thuốc BVTV hiện nay đó là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn thiện và chuẩn bị trình Chính phủ Đề án về dịch vụ BVTV. Sau quá trình 3 năm có sự kết hợp của các hiệp hội, của Tổ chức CropLife, chúng tôi đã tiến hành các mô hình, là các tổ đội dịch vụ BVTV, làm từ khâu dự báo, tiếp theo là tư vấn cho người dân, thậm chí làm luôn dịch vụ phun thuốc để phòng trừ các loại gây hại trên cây chè, cây lúa và một số cây trồng khác. Nếu đề án được Chính phủ ban hành thì mang lại lợi ích rất lớn, sẽ giải quyết căn cơ những vấn đề tôi vừa nói, từ trên 10 triệu hộ hay 10 triệu người hàng ngày sử dụng

thuốc BVTV trên đồng ruộng sẽ giảm xuống chỉ còn 30.000 – 50.000 các tổ đội dịch vụ. Những tổ đội theo đề án này được đào tạo, tập huấn, tư vấn, hỗ trợ và họ có khả năng dự tính, dự báo, lựa chọn những loại thuốc BVTV có hiệu quả nhất, an toàn nhất, mang lại hiệu quả kinh tế cũng như kỹ thuật cao nhất cho người nông dân của chúng ta.

Giải pháp thứ tư, muốn sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ thì phải nâng cao nhận thức và chuyển biến nhận thức của người dân là vô cùng quan trọng. Ngoài việc chúng ta tăng cường tập huấn, tăng cường truyền thông, mô hình… thì một trong những kênh truyền thông tôi nghĩ vô cùng quan trọng, đó là từ các ĐBQH. Các ĐBQH bao giờ cũng có những cuộc tiếp xúc cử tri (TXCT) trước và sau các kỳ họp QH, các ĐBQH cũng nắm rất rõ các thông tin, toàn diện về các mặt của xã hội, đặc biệt liên quan đến thuốc BVTV. Khi TXCT, ĐBQH truyền tải lại những vấn đề này, đây là một kênh truyền thông nâng cao nhận thức của người dân rất có hiệu quả và sức lan tỏa rất rộng. Mong rằng, trong thời gian tới, vấn đề nâng cao nhận thức của người dân trong vấn đề sử dụng thuốc BVTV có sự ủng hộ và phối hợp của các ĐBQH, hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch.

Giải pháp cuối cùng, tăng cường thanh tra, kiểm tra từ vấn đề kinh doanh, sản xuất đến vấn đề sử dụng thuốc BVTV của người dân. Đặc biệt là tiếp tục đấu tranh ngăn chặn các loại thuốc BVTV nhập lậu để bảo đảm rằng trong nền nông nghiệp của chúng ta, người dân được sử dụng những loại chất BVTV sinh học thế hệ mới, cũng như ngăn chặn một cách hiệu quả các loại thuốc nhập lậu và làm lành mạnh hóa thị trường thuốc BVTV hiện nay.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Từ góc độ lập pháp và giám sát, thưa ông Trương Minh Hoàng, trong thực tiễn, để chính sách đi vào cuộc sống nhiều khi không phải là sự thiếu vắng của hệ thống pháp luật mà ở thực thi, ở điều kiện kiểm soát và xử lý sai phạm. Vậy để kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV trong phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ bền vững cần chú trọng giải pháp nào?*

Ông Trương Minh Hoàng: Tôi đồng tình với kiến nghị của ông Hoàng Trung vừa nêu. Thứ nhất, để luật đi vào cuộc sống, tạo được nền nông nghiệp hữu cơ bền vững ngoài việc cần tuyên truyền để bà con biết thì người trực tiếp sản xuất, các doanh nghiệp đồng thuận, chia sẻ rủi ro với bà con. Những thách thức mà ông Hoàng Trung nêu ra là để sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ thì hàng loạt vấn đề đặt ra, trong đó vấn đề về năng suất, rủi ro không hề nhỏ và có mâu thuẫn đặt ra là dân số và đáp ứng cho nhu cầu xuất khẩu. Theo đó, để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu thì phải có sản lượng. Dân số là một áp lực để bảo đảm lương thực. Do vậy, doanh nghiệp chấp nhận rủi ro. Rất tiếc thời qua mới có bà con nông dân với nhau, còn doanh nghiệp chưa vào cuộc mạnh.

Nếu bà con đồng tình sản xuất hữu cơ, năng suất kém, thậm chí do tuân thủ theo quy trình sản xuất hữu cơ thì có thể thiệt hại còn lớn hơn, vậy người đồng hành không chỉ là doanh nghiệp tham gia vào quá trình phân phối mà cả doanh nghiệp bảo hiểm cũng nên tính toán. Nếu có giải pháp đồng hành thì sẽ thuận lợi trong quá trình thực hiện.

Hai là, để quản lý tốt, khi vận động bà con đồng hành rồi thì phải quản lý thật chặt. Từ thực tế đi đến các hợp tác xã ở Cần Thơ cho thấy, sản xuất nông nghiệp sạch theo đúng quy trình nhưng đưa ra siêu thị, bếp ăn của công ty thì chỉ tiêu thụ được 20-30%, còn 80% còn lại đưa ra thị trường giá còn thấp hơn. Đây cũng là bài toán khó mà cần tăng cường quản lý Nhà nước nên chăng tính đến chợ đầu mối, quy định tất cả các sản phẩm nông nghiệp làm ra, nếu đồng thuận làm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ thì cần đưa đến chợ đầu mối. Theo đó, chợ đầu mối sẽ phân phối đến các siêu thị nhỏ để bán các loại sản phẩm này. Có như vậy mới có sản phẩm đồng giá, cùng chia sẻ rủi với người nông dân, còn như hiện nay mạnh ai nấy mua, thương lái ép bà con nông dân khi sản phẩm ra nhiều thì bà con nơm nớp đầu ra. Cùng với đó là ban hành quy chuẩn như ông Trung nói.

Vấn đề quan trọng tiếp theo là nhân lực. Bây giờ đưa ra mâu thuẫn với thực trạng hiện nay về chủ trương chung là giảm biên chế, mâu thuẫn với thực trạng là ở cơ sở phải tăng cường kiểm tra, giám sát nguồn nhân lực. Hiện nay, đội ngũ kiểm tra này còn mỏng, nên chăng chúng ta thừa đội ngũ thanh tra, kiểm tra ngành nông nghiệp thì chúng ta phải chia sẻ lực lượng này dù không tăng biên chế ở địa phương nhưng phải tăng biên chế trong giám sát. Chúng tôi cũng được

biết là hiện nay cán bộ thú y, cán bộ BVTV ở cơ sở cũng đang rất khó khăn. Ở nhiều địa phương như các tỉnh miền Trung, miền núi, đồng bằng sông Cửu Long nếu địa bàn một xã rộng thì làm sao một cán bộ thú y, cán bộ BVTV có thể làm xuể. Tôi cho rằng, giải pháp về mặt văn bản pháp luật thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới làm được. Còn nếu đưa ra mà không nằm trong văn bản quy phạm pháp luật thì rất khó.

Vấn đề nữa là, kiện toàn cán bộ thú y ở địa phương là rất quan trọng. Tiếp đến là hoàn thiện chế tài, xử lý đủ sức răn đe như sửa Bộ luật Hình sự cũng là một trong những vấn đề cần đặt ra. Tiếp tục không chỉ Bộ luật Hình sự mà chế tài hướng dẫn chi tiết xử lý vi phạm hành chính hiện nay cũng rất rõ và kỹ rồi nhưng để cho cán bộ địa phương xử lý sai phạm tại địa phương là rất khó. Do vậy, tất cả phải đồng bộ thì mới thuận lợi trong việc xử lý. Đây là bài toán phải tính kỹ để khi có các điều kiện, quy định xử lý mà người thực thi còn khó, còn vướng thì có thể thực hiện điều kiện luân chuyển cán bộ. Đây là giải pháp hiệu quả hơn.

Việc áp dụng quy định sản xuất nông nghiệp sạch và công nghệ hữu cơ cũng cần tính đến việc triển khai mạnh ứng dụng công nghệ cao. Nếu sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo kiểu nông nghiệp sạch mà không gắn liền với công nghệ cao thì năng suất thấp. Điều này hoàn toàn có cơ sở. Thực tế, đi khảo sát 1 ha nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao vừa gắn với chế phẩm vi sinh để thực hiện toàn bộ quy trình khép kín thì tôi thấy rằng năng suất một năm từ 1ha là từ 150 – 180 tấn, thậm chí là 210 tấn. Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ cao sẽ mang lại hiệu quả và giải được nhiều thách thức.

Một loại nữa là tiếp tục nghiên cứu các loại giống khác cho năng suất cao, có khả năng chịu ảnh hưởng sâu bệnh, nắng hạn, thậm chí phải thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay. Tại Kỳ họp thứ 3 tới, dự kiến QH sẽ thông qua Luật Chuyển giao công nghệ sửa đổi phải tính đến làm thế nào để các nhà khoa học từ nghiên cứu khoa học trong các trường, các viện, từ ý tưởng phải được chuyển tải hóa trong Luật Chuyển giao công nghệ, thậm chí các luật khác có liên quan.

Một vấn đề nữa không thể thiếu đó là tri thức của nông nghiệp bản địa. Tôi đi khá nhiều cánh đồng trồng lúa và trồng màu thì bên trên các bờ ruộng lúa người ta trồng hoa, khi các loại sâu bọ có hại đến vườn hoa người ta tạo bẫy để bắt. Việc vừa sản xuất vừa làm du lịch, nếu chúng ta làm đẹp trồng hoa trên đó thậm chí còn thu hoạch được hoa để bán. Đây là cách mà chúng ta nên tính đến.

Mặt khác, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu cũng phải tính đến cải tạo ra các chất kháng thể để phòng ngừa ngay từ đầu trong quá trình từ cây giống. Đây là các giải pháp tổng thể, muốn làm được vấn đề này thì các cơ quan lập pháp, cơ quan tham mưu cho QH, kể cả các cơ quan đề xuất về chuyên môn phải lồng ghép các chính sách pháp luật, nếu ai mà làm đúng thì được hỗ trợ như thế nào, được ưu đãi như thế nào về đất, về ngân sách, về chuyên môn. Nếu ai mà không làm đúng thì phải xử lý thế nào thì cái này cần phải cần được tính toán.

Phó TBT Nguyễn Quốc Thắng: *Thưa quý vị và các bạn!*

Có thể thấy, thuốc BVTV góp phần không nhỏ vào phát triển nền nông nghiệp bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Giải quyết hài hòa giữa việc sử dụng thuốc BVTV để bảo vệ nền sản xuất nông nghiệp với việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường là một đòi hỏi, thách thức lớn không chỉ đối với riêng cơ quan quản lý nhà nước và các ngành nghề liên quan mà còn đối với tất cả mọi người chúng ta.

Những thông điệp về phân tích chính sách dưới góc nhìn của các nhà quản lý, nhà lập pháp và các chuyên gia góp phần đưa ra giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về BVTV, vì một nền nông nghiệp sạch, hữu cơ và phát triển bền vững.

Một lần nữa, trân trọng cảm ơn các vị khách quý đã tham gia Tọa đàm ngày hôm nay và mong được gặp lại trong lần đối thoại lần sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐBND

Ảnh: Duy Thông